

Số: 82./2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét từ vùng nước giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 43/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét từ vùng nước giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định khu vực, địa điểm để tiếp nhận chất nạo vét trên bờ từ vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo Nghị định số 57/2024/NĐ-CP về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển

và vùng nước đường thủy nội địa, Thông tư số 43/2024/TTBGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có hoạt động liên quan đến khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét từ vùng nước giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng đối với khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét từ vùng nước giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh

1. Chất thải phát sinh trong hoạt động nạo vét, tiếp nhận chất nạo vét tại khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

2. Khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét phải đảm bảo có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần chất nạo vét của công trình, dự án, không có tranh chấp, phù hợp mục đích sử dụng đất, không trong tình trạng đang chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng đất.

3. Quyết định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất trong quá trình lựa chọn khu vực, địa điểm để đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đối với các dự án liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa nhằm mục đích hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh các trường hợp khác, chưa được quy định trong văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật cấp Trung ương thì Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Khu vực tiếp nhận chất nạo vét là phạm vi có thể quy hoạch, lựa chọn để tiếp nhận các chất nạo vét trên bờ từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh.

2. Địa điểm tiếp nhận chất nạo vét là nơi xác định chính xác vị trí và diện tích cụ thể để tiếp nhận các chất nạo vét trên bờ từ vùng nước giao thông đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển.

3. Cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận chất nạo vét là các cá nhân, tổ chức sở hữu quyền sử dụng đất hợp pháp (hoặc được cấp có thẩm quyền giao quản lý đất) toàn bộ khuôn viên của vị trí đã được cơ quan có thẩm quyền xác định đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét.

4. Chủ dự án là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư công trình nạo vét trong hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

Điều 4. Quy định về khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ

1. Đảm bảo diện tích có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần chất nạo vét của công trình, dự án trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và các quy định khác có liên quan; ưu tiên sử dụng các khu đất có nguồn gốc sở hữu nhà nước trên địa bàn. Trường hợp không có vị trí khu đất do nhà nước quản lý phù hợp để tiếp nhận chất nạo vét, xem xét sử dụng khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân và phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

2. Phải có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom, vận chuyển chất nạo vét từ vùng nước đường thủy nội địa đáp ứng được các quy định pháp luật về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa, xã hội, lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ.

3. Phải được đánh giá, xác định có mục đích sử dụng đất phù hợp để tiếp nhận chất nạo vét; có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và các quy định pháp luật liên quan.

4. Phải có bờ bao hoặc tường chắn bảo đảm về chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực tiếp nhận; xung quanh khu vực phải có hệ thống lắng, thoát nước để bảo đảm không để chất nạo vét tác động xấu đến môi trường.

5. Phải được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng

nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh chưa công bố danh mục hoặc khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư.

Điều 5. Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận, công bố mới hoặc bổ sung, điều chỉnh danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ trên địa bàn tỉnh hằng năm theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hàng năm thông kê nhu cầu về khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh theo danh mục các dự án nạo vét (trong đó có dự án đầu tư xây dựng mới, dự án chuyển tiếp từ năm trước), tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 để đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Định kỳ phối hợp các sở ngành, địa phương rà soát, cập nhật danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh khi cần thiết.

c) Chủ trì hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của pháp luật về môi trường, tài nguyên, khoáng sản liên quan đến hoạt động nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa; hướng dẫn trình tự, thủ tục và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bản xác nhận đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa theo quy định tại khoản 1 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ sở hữu các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại vị trí tiếp nhận chất nạo vét.

đ) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động đổ chất nạo vét theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Hàng năm, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lập mới hoặc sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện thu gom, vận chuyển chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện quản lý thi công nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa; công tác thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa từ ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện Quyết định này theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì phối hợp với chủ đầu tư dự án và các đơn vị có liên quan đề xuất vị trí để làm khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 31 tháng 3 hàng năm** tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

b) Tổ chức tuyên truyền các quy định của pháp luật có liên quan về Quản lý hoạt động nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa tại Quyết định này và các quy định của pháp luật về đường thủy nội địa, hàng hải, bảo vệ môi trường, tài nguyên và khoáng sản.

c) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn chấp hành các quy định của pháp luật; kịp thời phát hiện và phối hợp các cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành.

d) Tổ chức quản lý và bố trí sử dụng chất nạo vét tại các địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn theo quy định của pháp luật (trừ dự án nạo vét có tận thu sản phẩm).

đ) Giám sát việc quản lý, sử dụng chất nạo vét sau khi hoàn tất việc tiếp nhận chất nạo vét đối với các trường hợp tiếp nhận chất nạo vét tại các khu đất có nguồn gốc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

5. Đề nghị Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

a) Căn cứ vào phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển được phê duyệt để tiến hành các giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các phương tiện tham gia vận chuyển chất nạo vét đến khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trong vùng nước cảng biển nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý, chất nạo vét từ vùng nước cảng biển đến khu vực, vị trí tiếp nhận chất nạo vét; hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét và tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển chất nạo vét đến khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét, vận chuyển.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét tại vùng nước đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển trên địa bàn tỉnh

1. Chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển thông báo kế hoạch triển khai thực hiện, chịu trách nhiệm tổ chức giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Chịu trách nhiệm về tính chất, thành phần của chất nạo vét theo quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đảm bảo sự phù hợp với mục đích sử dụng đất tại khu vực tiếp nhận chất nạo vét. Thực hiện quy định về quản lý chất nạo vét theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

3. Trường hợp nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 57/2024/NĐ-CP Nghị định số 57/2024/NĐ-CP và tuân thủ các quy định của pháp luật về hàng hải, đường thủy nội địa, khoáng sản.

4. Hàng năm thực hiện đăng ký danh mục dự án nạo vét (dự án đầu tư mới, dự án chuyển tiếp) tại vùng nước đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng trước ngày 31 tháng 3 để theo dõi, quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sở hữu vị trí tiếp nhận chất nạo vét

1. Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi gửi Văn bản tới cơ quan đầu mối tiếp nhận là Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét.

2. Phối hợp với các chủ dự án đổ chất nạo vét thực hiện chương trình quan trắc môi trường sau khi tiếp nhận chất nạo vét của các dự án theo thủ tục môi trường được duyệt.

3. Chủ trì phối hợp với các chủ dự án đổ chất nạo vét xử lý ô nhiễm môi trường và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường nếu kết quả quan trắc có thông số vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành (trong trường hợp xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường là do việc đổ chất nạo vét).

Điều 8. Tổ chức thực hiện, lấy ý kiến của các đơn vị liên quan đối với các vị trí tiếp nhận chất nạo vét do chủ dự án chủ động tìm kiếm, đề xuất

1. Chủ dự án gửi hồ sơ đề xuất vị trí tiếp nhận chất nạo vét về Sở Nông nghiệp và Môi trường với thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị tiếp nhận chất nạo vét từ hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước thủy nội địa (theo mẫu tại Phụ lục 1 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP); bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền; văn bản thỏa thuận tiếp nhận chất nạo vét đối với khu đất thuộc quyền sở hữu, quản lý của tổ chức, cá nhân.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức khảo sát thực tế vị trí tiếp nhận chất nạo vét và lấy ý kiến của đại diện các đơn vị có liên quan.

3. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị tham gia khảo sát thực tế vị trí tiếp nhận chất nạo vét và nội dung bổ sung, chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có); trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất vị trí tiếp nhận chất nạo vét của chủ dự án, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hay cần thiết phải sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
 - Vụ Pháp chế - Bộ NN&MT;
 - Cục KTVB&QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
 - UBND các xã, phường;
 - Công báo điện tử tỉnh;
 - Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
 - Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - Lưu: VT, KTN (120 bản).
- Vinh ktn QD KV do thái

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng